TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 02/2018/KDTM-ST
Ngày 18.4.2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Công Chi
2. Ông Nguyễn Văn Hiển
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST-KDTM ngày 23 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty L. Trụ sở: 111 H, phường T, quận T, thành phố Đ.
Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Lê Thị Như N - Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: 111 H, phường T, quận T, thành phố Đ, (*Có mặt*).

- *Bị đơn:* Công ty V. Trụ sở: 51 P, phường H, quận L, thành phố Đg.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Đậu Quang T- Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: K82 N, phường H, quận L, thành phố Đ, (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 10.01.2017, tại Bản tự khai ngày 23.01.2018, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Như N - người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Công ty L) trình bày:*

Công ty L (viết tắt là Công ty L) có quan hệ mua bán với Công ty V (viết tắt là Công ty V) từ trước năm 2015. Giữa hai công ty đã ký các hợp đồng kinh tế số

01/2015 HĐKT LH-Vneco7 ngày 02.01.2015 và hợp đồng kinh tế số 01/2016 HĐKT LH-Vneco7 ngày 02.01.2016. Theo các hợp đồng, Công ty L bán cho Công ty V sắt, thép, xi măng các loại. Công ty L đã xuất bán theo từng đợt với khối lượng và chất lượng đúng theo yêu cầu; đồng thời đã thực hiện nghĩa vụ xuất hóa đơn tài chính cho Công ty V tương ứng với giá trị từng đợt giao hàng.

Năm 2017, hai bên đã ngừng giao dịch mua bán, nhưng Công ty V chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho Công ty L nợ đọng từ năm 2016. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31.12.2016, Công ty V đã xác nhận đến hết ngày 31.12.2016, Công ty V còn nợ của Công ty L số tiền 658.641.642đ (*Sáu trăm năm mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi mốt ngàn sáu trăm bốn mươi hai đồng*). Đến ngày 19.01.2017, Công ty V đã chuyển trả được số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Số tiền còn lại Công ty V chưa thanh toán là 508.641.642đ (*Năm trăm lẻ tám triệu sáu trăm bốn mươi mốt ngàn sáu trăm bốn mươi hai đồng*). Công ty L đã nhiều lần liên lạc, gửi giấy đề nghị yêu cầu thanh toán nhưng đến nay Công ty V vẫn không thanh toán.

Do Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty V thanh toán số tiền còn nợ là 508.641.642đ. Công ty L không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà N rút một phần yêu cầu yêu cầu khởi kiện. Do điều kiện tài chính khó khăn hiện nay của Công ty V nên Công ty L chỉ yêu cầu Công ty V thanh toán số tiền 270.000.000đ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 12.02.2018, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đậu Quang T - là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Công ty V) trình bày:*

Giữa Công ty V và Công ty L có ký hợp đồng mua bán sắt, thép, xi măng từ năm 2013 và Công ty V có nợ của Công ty L. Tuy nhiên, ông Thân không xác định được số tiền nợ cụ thể do ông chưa kiểm tra lại số lượng thật vật tư do Công ty L xuất bán và số tiền đã chuyển trả cho Công ty L. Ông Thân xác nhận đã ký Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31.12.2016 với Công ty L do ông tin tưởng số liệu Kế toán cung cấp. Ông không xác định được số tiền còn nợ và phương thức trả nợ cho Công ty L.

Tại phiên tòa, ông Txác nhận Công ty V chỉ nợ của Công ty L số tiền 270.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*). Hiện nay Công ty không có điều kiện trả nợ nên khi nào có tiền sẽ thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty L đối với Công ty V, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31.12.2016, Công ty V có nợ của Công ty L số tiền 658.641.642đ. Đến ngày 19.01.2017, Công ty V mới chỉ thanh toán

được số tiền 150.000.000đ. Số tiền còn lại Công ty V chưa thanh toán là 508.641.642đ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của Công ty L rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty V thanh toán số tiền 270.000.000đ. Người đại diện theo pháp luật của Công ty V cũng thừa nhận số tiền nợ này.

Do Công ty V đã vi phạm Điều 3 của các hợp đồng kinh tế đã ký kết nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty L, buộc Công ty V phải thanh toán số tiền nợ 270.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*) là có căn cứ, đúng với quy định tại Điều 50 của Luật Thương Mại.

[2] Công ty L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí kinh doanh - thương mại sơ thẩm Công V phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 24 và 50 của Luật Thương mại; Điều 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty L đối với Công ty V về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa ".

Xử: Buộc Công ty V phải thanh toán Công ty L số tiền 270.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Công ty V phải chịu án phí kinh doanh, th□ơng mại sơ thẩm là 13.500.000đ (*Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng*).

Hoàn trả cho Công ty L số tiền tạm ứng án phí 12.172.833đ (*Mười hai triệu một trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm ba mươi ba đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0927 ngày 23.01.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy